TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22/11/2017
V/v tranh chấp Ly hôn,
tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Giang

2. Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Nguyễn Thị Thu An, là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

Ngày 22 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp Ly hôn, tài sản chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 118/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1997

Địa chỉ: X ấp P, xã N, huyện C, tỉnh Hậu Giang – Có mặt.

Bị đơn: ông **Trần Văn N**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Y ấp N, xã L, huyện P, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Thu Th, sinh năm 1976

Địa chỉ: X ấp P, xã N, huyện C, tỉnh Hậu Giang – Có mặt.

2. Bà Phan Thị M, sinh năm 1966

Địa chỉ: Y ấp N, xã L, huyện P, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

3. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ H

Địa chỉ: Z đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: bà và ông Trần Văn N được mai mối và tiến đến hôn nhân vào năm 2016, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, thành phố Cần Thơ vào ngày 27/7/2016.

Thời gian chung sống hạnh phúc được một tháng thì phát sinh mâu thuẫn do khi bà bị bệnh thì ông N không quan tâm chăm sóc; đến tháng 12/2016 vợ chồng ly thân, bà vẫn phải điều trị bệnh nhưng ông N không thăm nom. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông N. Bà và ông N chưa có con. Về tài sản chung, nợ chung có 04 chỉ vàng 24k và chiếc xe gắn máy hiệu Vision biển số 95H1-236.83, chiếc xe được mua trả góp ở cửa hàng H còn nợ lại số tiền 18.520.000 đồng; bà yêu cầu nhận 01 chỉ vàng và chiếc xe gắn máy, bà sẽ trả tiền mua xe còn thiếu và thối hoàn số tiền ông N đưa lúc mua xe là 2.000.000 đồng, 01 chỉ vàng 24k.

Phía bị đơn – ông Trần Văn N trình bày: ông và bà T tự nguyện kết hôn, trong thời gian chung sống có cự cãi và bà T bỏ về nhà cha mẹ ruột, ông vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Ông và bà T chưa có con chung. Về tài sản chung gồm 11 chỉ vàng 24k và chiếc xe gắn máy hiệu Vision, ông yêu cầu chia đôi. Ông đồng ý giao chiếc xe gắn máy cho bà T sở hữu, bà T chịu trách nhiệm trả số tiền góp mua xe còn thiếu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Bà Lê Thị Thu Th trình bày:* vào tháng 12/2016 bà có giữ số vàng cưới 08 chỉ vàng 24k của con gái bà là T, trong thời gian T bị bệnh đã bán 07 chỉ vàng để trị bệnh nên hiện chỉ còn 01 chỉ vàng 24k.

- *Bà Phan Thị M trình bày:* bà đang giữ số vàng cưới 03 chỉ vàng 24k của vợ chồng con trai bà là N, T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Văn N xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, thành phố Cần Thơ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 114 ngày 27/7/2016 là hôn nhân hợp pháp. Nay một bên yêu cầu được ly hôn, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

[2] Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ H không cử đại diện tham gia các phiên họp, hòa giải, phiên tòa cũng không gởi văn bản thể hiện ý kiến phần có liên quan trong vụ án. Ngày 22/11/2017 là lần triệu tập tham dự phiên tòa thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Văn N có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Theo bà T trình bày thì mâu thuẫn

xuất phát từ việc bà bị bệnh và phải điều trị kéo dài, thường xuyên nhưng ông N không thông cảm dẫn đến cải vã, không thể tiếp tục chung sống và vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2016 đến nay. Quá trình hòa giải, ông N không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa bà T vẫn giữ yêu cầu ly hôn nên ông đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Xét mâu thuẫn giữa ông N, bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đôi bên không có sự thông cảm, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, thời gian ly thân đã lâu nhưng không thể hàn gắn quan hệ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện ông N, bà T đều thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình này.

[4] Ông N và bà T chưa có con chung.

[5] Về tài sản chung, bà T cho rằng có 04 chỉ vàng 24k và 01 chiếc xe hiệu Vision, bà yêu cầu nhận chiếc xe và 01 chỉ vàng, còn ông N nhận 03 chỉ vàng. Ông N cho rằng khi đám cưới gia đình ông cho 07 chỉ vàng 24k, đã bán 03 chỉ vàng để làm ăn và chi xài, sử dụng 01 chỉ vàng để mua xe nên mẹ của ông đang giữ 03 chỉ vàng; phía gia đình bà T cho 10 chỉ vàng 24k, sử dụng 02 chỉ để mua xe nên mẹ bà T đang giữ 08 chỉ vàng, ông yêu cầu chia đôi số vàng cưới còn lại là 11 chỉ. Tuy nhiên, bà T đã bán 07 chỉ vàng để trị bệnh là chính đáng, phía bà M thừa nhận còn giữ 03 chỉ vàng, bà Th giữ 01 chỉ vàng, do đó số vàng cưới còn lại là 04 chỉ vàng 24k được chia đôi nhưng bà T đồng ý để ông N nhận 03 chỉ là sự tự nguyện có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với chiếc xe gắn máy hiệu Vision biển số 95H1-236.83 do bà T đứng tên, khi mua hình thức sở hữu chung với giá 44.290.000 đồng, nguyên đơn, bị đơn thống nhất giao xe cho bà T quyền sở hữu và bà T trả lại ông N 2.000.000 đồng, 01 chỉ vàng 24k. Thỏa thuận thối hoàn giá trị xe trên cơ sở tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận, nhưng chiếc xe hiện đang được thế chấp cho bên bán nên chưa đủ điều kiện chia tài sản chung.

[6] Về nợ chung, chiếc xe hiệu Vision được mua bằng tiền vay 24.290.000 đồng, theo hợp đồng vay ký kết với Cửa hàng H Trading 2, hình thức trả vốn góp hàng tháng 1.303.229 đồng, lần trả cuối là 1.244.907 đồng. Do Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ H chưa có ý kiến trong vụ án nên Hội đồng xét xử tách phần nợ chung giải quyết bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu của đương sự.

[7] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch 5% tương ứng tài sản được nhận 01 chỉ vàng và nghĩa vụ phải thực hiện 01 chỉ vàng + 2.000.000 đồng; bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng tài sản được nhận 03 chỉ vàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Văn N.

- *Về con chung:* không có.

- *Về tài sản chung:* bà T có quyền sở hữu 01 chỉ vàng 24k (do bà Lê Thị Thu Th giữ), ông N có quyền sở hữu 03 chỉ vàng 24k (do bà Phan Thị M giữ). Bà T hoàn trả ông N số tiền mua xe 2.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k.

- *Về nợ chung:* tách ra giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu khởi kiện của đương sự.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà T nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 004937 ngày 19/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Điền thành án phí.

Án phí dân sự sơ thẩm: bà T nộp 600.000 đồng, khấu trừ 1.415.000 đồng tạm ứng án phí tại phiếu thu số 004938 ngày 19/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, bà T được nhận lại 815.000 đồng. Ông N nộp 495.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P;
- THA H. P;
- UBND xã L;
- Lưu HS (2b).

Liêng Thị Hồng Hoa